TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 278/2018/DS-ST;
Ngày: 07/9/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Châu Vũ Bình**

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa***:

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST- DS ngày 15/01/2018 về việc "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐXXST-DS ngày 16/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 320/QĐST-DS ngày 16/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hồ A, sinh năm 1961**;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

* *Người đại diện theo ủy quyền*: **Trương Thị Thanh B, sinh năm 1993.** Địa chỉ: Đường O, Phường P, Thành phố Y, Tiền Giang

- Bị đơn: **Nguyễn Thị C, sinh năm 1971**;

Nguyễn Thanh D, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Bảo Kha E, sinh năm 1993

2. Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1993

3. Nguyễn Tấn H, sinh ngày 05/5/2000

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

(chị B và anh D có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Hồ A, qua hòa giải và tại phiên tòa, chị Trương Thị Thanh B là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Hồ A có làm thảo hụi, chị C và anh D có tham gia 10 dây hụi do bà A làm thảo hụi. Chị C anh D đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết, cụ thể như sau:

1/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 25/9/2015 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 25/09/2017 (nhuần 02 tháng 06/2017). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 4 (ngày 25/12/2015 âm lịch) với số tiền 18.120.000 đồng. Còn phải đóng lại 22 kỳ hụi chết là 22.000.000 đồng.

2/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 25/9/2015 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 25/09/2017 (nhuần 02 tháng 06/2017). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 5 (ngày 25/01/2016 âm lịch), số tiền 18.935.000 đồng. Còn phải đóng lại 21 kỳ hụi chết là 21.000.000 đồng.

3/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 30/9/2015 al, gồm 26 phần, mãn vào ngày 30/09/2017 (nhuần 02 tháng 06/2017). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 5 (ngày 30/01/2016 âm lịch), số tiền 20.195.000 đồng. Còn phải đóng lại 21 kỳ hụi chết là 21.000.000 đồng.

4/Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 12/2/2016 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 12/02/2018 al (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 1 (ngày 12/02/2016 âm lịch), số tiền 19.375.000 đồng. Còn phải đóng lại 25 kỳ hụi chết là 25.000.000 đồng.

5/Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 12/02/2016 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 12/02/2018 al (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 2 (ngày 22/03/2016 âm lịch), số tiền 19.136.000 đồng. Còn phải đóng lại 24 kỳ hụi chết là 24.000.000 đồng.

6/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 22/01/2016 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 22/01/2018 al (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 2 (ngày 22/02/2016 âm lịch), số tiền 18.956.000 đồng. Còn phải đóng lại 24 kỳ hụi chết là 24.000.000 đồng.

7/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 22/01/2016 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 22/01/2018 âm lịch (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 4 (ngày 22/04/2016 âm lịch), số tiền 19.990.000 đồng. Còn phải đóng lại 22 kỳ hụi chết là 22.000.000 đồng.

8/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 05/05/2016 âm lịch, gồm 26 phần, mãn vào ngày 05/05/2018 âm lịch (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham

gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 1(ngày 05/05/2016 âm lịch), số tiền 19.250.000 đồng. Còn phải đóng lại 25 kỳ hụi chết là 25.000.000 đồng.

9/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 05/05/2016 al, gồm 26 phần, mãn vào 05/05/2018 âm lịch (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 2 (ngày 05/06/2016 âm lịch), số tiền 20.396.000 đồng. Còn phải đóng lại 24 kỳ hụi chết là 24.000.000 đồng.

10/ Hụi 1.000.000đ/tháng: Khui ngày 05/05/2016 al, gồm 26 phần, mãn vào ngày 05/05/2018 âm lịch (nhuần 02 tháng 06/2017 âm lịch). Chị C anh D tham gia 01 phần. Hốt vào kỳ thứ 3 (ngày 05/07/2016 âm lịch), số tiền 20.820.000 đồng. Còn phải đóng lại 23 kỳ hụi chết là 23.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân huyện X xét xử: Buộc vợ chồng chị C, anh D trả cho bà Hồ A số tiền 139.000.000 đồng, là số tiền hụi đã vi phạm đến ngày 23/6/2017. Riêng số tiền hụi chưa vi phạm 92.000.000 đồng, Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền hụi này. Kể từ ngày 23/6/2017 đến nay, vợ chồng chị C, anh D hoàn toàn không góp hụi cho bà theo kỳ hạn. Tính đến ngày khởi kiện 15/01/2018, số tiền hụi chết đã vi phạm nhưng vợ chồng chị C, anh D không đóng là 64.000.000 đồng, cụ thể: dây thứ nhất: 5.000.000 đồng, dây thứ hai: 5.000.000 đồng, dây thứ ba: 5.000.000 đồng, dây thứ tư: 7.000.000 đồng, dây thứ năm: 7.000.000 đồng, dây thứ sáu: 7.000.000 đồng, dây thứ bảy: 7.000.000 đồng, dây thứ tám: 7.000.000 đồng, dây thứ chín: 7.000.000 đồng, dây thứ mười: 7.000.000 đồng. Nay bà A yêu cầu vợ chồng chị C, anh D liên đới trả số tiền hụi chết 64.000.000 đồng trong số tiền hụi chết 92.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai, qua hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thanh D trình bày: anh thống nhất vợ chồng anh có tham gia góp hụi do bà Hồ A làm thảo hụi, vợ chồng anh đã hốt hụi và có đóng hụi chết cho bà A. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh ngưng đóng hụi chết cho bà A từ ngày 08/01/2017 âm lịch cho đến nay. Đối với từng dây hụi, số tiền vợ chồng anh còn thiếu bà A cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/9/2015 âm lịch, gồm 26 phần, vợ chồng anh tham gia 01 phần. Ngày 25/12/2015 âm lịch (kỳ thứ 4), vợ chồng anh hốt hụi với số tiền 18.120.000 đồng. Anh đã đóng lại hụi chết từ ngày 25/01/2015 đến ngày 25/12/2016 âm lịch là 13 kỳ với số tiền 13.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng anh xin trả lại vốn là 5.120.000 đồng.

+ Dây thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khui vào ngày 25/9/2015 âm lịch, gồm 26 phần, vợ chồng anh tham gia 01 phần. Khui ngày 25/01/2016 âm lịch (kỳ thứ 5), anh hốt được số tiền 18.935.000 đồng, đóng lại được 12.000.000 đồng, nay xin trả vốn là 6.935.000 đồng.

+ Dây thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khui vào ngày 30/9/2015 âm lịch, gồm 26 phần. Ngày 30/01/2016 âm lịch (kỳ thứ 5), anh hốt hụi được số tiền

20.195.000 đồng, đã đóng lại được 12.000.000 đồng nên nay anh xin trả số vốn là 8.195.000 đồng.

+ Dây thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 12/02/2016 âm lịch, gồm 26 phần. Anh hốt hụi kỳ đầu tiên được số tiền 19.375.000 đồng, đã đóng được 11.000.000 đồng nên nay vợ chồng anh xin trả số vốn là 8.375.000 đồng.

+ Dây thứ năm : Khui ngày 12/02/2016 âm lịch, anh hốt được 19.136.000 đồng, đóng được 10.000.000 đồng, nay xin trả vốn là 9.136.000 đồng.

+ Dây thứ sáu: Khui ngày 22/01/2016 âm lịch, anh hốt số tiền 18.956.000 đồng, đã đóng được 11.000.000 đồng nên nay vợ chồng anh xin trả số vốn là 7.956.000 đồng.

+ Dây thứ bảy: Khui ngày 22/01/2016 âm lịch, anh hốt được 19.990.000 đồng, đóng được 9.000.000 đồng, nay xin trả vốn là 10.990.000 đồng.

+ Dây thứ tám: Khui ngày 05/5/2016 âm lịch, anh hốt số tiền 19.250.000 đồng, đóng được 9.000.000 đồng, vợ chồng anh xin trả số vốn 10.250.000 đồng.

+ Dây thứ chín: Khui ngày 05/5/2016 âm lịch, anh hốt được 20.396.000 đồng, đóng được 8.000.000 đồng, nay xin trả vốn là 12.396.000 đồng.

+ Dây thứ mười: Khui ngày 05/5/2016 âm lịch, anh hốt được 20.820.000 đồng, anh đóng được 7.000.000 đồng, nay anh xin trả vốn là 13.820.000 đồng.

Do việc làm ăn gặp trở ngại vợ chồng anh rất khó khăn về kinh tế nên anh xin phía bà A cho vợ chồng anh được trả lại số tiền vốn và trả dần hàng tháng với tổng số tiền vốn là 93.173.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh D trình bày: vợ chồng anh chỉ nợ bà A số tiền hụi 139.000.000 đồng theo Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân huyện X, còn lại hụi chết 64.000.000 đồng mà bà A khởi kiện thì anh không đồng ý.

* Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Thị C trình bày: Nội dung bản tự khai của chị C trình bày có nội dung giống như nội dung bản tự khai mà anh D trình bày về các dây hụi, thời gian mở hụi ở các dây hụi, phần hụi, số tiền hốt hụi, đóng hụi chết. Do việc làm ăn gặp trở ngại vợ chồng chị rất khó khăn về kinh tế nên chị xin phía bà Hồ A cho vợ chồng chị được trả lại số tiền vốn và trả dần hàng tháng với tổng số tiền vốn là 93.173.000 đồng. Chị C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bảo Kha E trình bày: Chị là con ruột của bà A. Việc tham gia góp hụi giữa bà A và vợ chồng chị C chị hoàn toàn không tham gia và cũng không đi gom hụi thay cho bà A. Do bận công việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc G và Nguyễn Tấn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hồ A khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị C liên đới trả cho bà A số tiền hụi chết 64.000.000 đồng trong số tiền 92.000.000 đồng hụi chết mà chị C và anh D chưa đóng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp M, xã N, huyện X nên Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và được xem xét theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Bảo Kha E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Ngọc G, anh Nguyễn Tấn H và chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà A làm thảo hụi, từ tháng 9/2015 âm lịch đến tháng 5/2016 âm lịch, vợ chồng anh D, chị C tham gia tổng cộng 10 phần hụi trong 10 dây hụi do bà A làm chủ hụi như bà A trình bày như nêu trên. Vợ chồng anh D, chị C đã hốt hết 10 phần hụi trên nhưng sau khi hốt hụi vợ chồng chị C anh D không đóng hụi chết cho bà A nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh D, chị C trả số tiền hụi chết còn thiếu với tổng số tiền hụi là 231.000.000 đồng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2018/DSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ A đối với chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh D. Buộc chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ A tổng số tiền hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/6/2017 dương lịch với số tiền 139.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ A đối với chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh D về số tiền hụi chưa vi phạm là 92.000.000 đồng. Bản án cũng nhận định trong trường hợp vợ chồng anh D, chị C không thực hiện nghĩa vụ góp hụi thì bà A có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác. Hiện nay Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật.

Theo Bản án này, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2017), vợ chồng anh D còn nợ bà A số tiền hụi chết chưa vi phạm của các dây hụi như sau:- Dây thứ nhất: Khui ngày 25/9/2015 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 5.000.000 đồng; Dây thứ hai: Khui ngày 25/9/2015 âm lịch, số tiền hụi

chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 5.000.000 đồng; Dây thứ ba: Khui ngày 30/9/2015 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 5.000.000 đồng; Dây thứ tư: Khui ngày 12/02/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 10.000.000 đồng; Dây thứ năm: Khui ngày 12/02/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 10.000.000 đồng; Dây thứ sáu: Khui ngày 22/01/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 9.000.000 đồng; Dây thứ bảy: Khui ngày 22/01/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 9.000.000 đồng; Dây thứ tám: Khui ngày 05/5/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 13.000.000 đồng; Dây thứ chín: Khui ngày 05/5/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 13.000.000 đồng; Dây thứ mười: Khui ngày 05/5/2016 âm lịch, số tiền hụi chết vợ chồng chị C chưa vi phạm là 13.000.000 đồng;

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà A cũng như người đại diện theo ủy quyền trình bày: tính đến ngày 23/6/2017, số tiền hụi chết mà anh D và chị C chưa vi phạm trong 10 dây hụi nêu trên tổng cộng là 92.000.000 đồng. Do vợ chồng anh D, chị C không tiếp tục đóng hụi chết của 10 phần hụi trong 10 dây hụi nêu trên nên ngày 15/01/2018, bà A tiếp tục khởi kiện để yêu cầu vợ chồng anh D, chị C trả số tiền hụi chết đã vi phạm tính đến ngày 15/01/2018 là 64.000.000 đồng, cụ thể: dây thứ nhất: 5.000.000 đồng, dây thứ hai: 5.000.000 đồng, dây thứ ba: 5.000.000 đồng, dây thứ tư: 7.000.000 đồng, dây thứ năm: 7.000.000 đồng, dây thứ sáu: 7.000.000 đồng, dây thứ bảy: 7.000.000 đồng, dây thứ tám: 7.000.000 đồng, dây thứ chín: 7.000.000 đồng, dây thứ mười: 7.000.000 đồng. Anh D, chị C không đồng ý trả số tiền này.

[4] Xét thấy: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh D, chị C thống nhất vợ chồng anh D, chị C có tham gia 10 phần hụi trong 10 dây hụi nêu trên do bà A làm thảo hụi. Vợ chồng anh D chị C đã hốt hết 10 phần hụi, số tiền hốt hụi đúng như bà A trình bày, anh chị có nhận tiền theo 10 biên nhận nhận tiền hụi do bà A cung cấp có chữ ký nhận của vợ chồng anh D, chị C, có biên nhận có chữ ký của anh Nguyễn Tấn H, chị Lê Thị Ngọc G là con của anh chị khi bà A giao tiền hốt hụi cho anh D, chị C. Tuy nhiên, vợ chồng anh D cho rằng sau khi hốt hụi vợ chồng anh, chị có đóng lại hụi chết đầy đủ cho bà A đến ngày 08/01/2017 âm lịch thì ngưng, anh, chị đóng tiền hụi chết hàng tháng cho chị Kha E là con ruột bà A nhận nên anh, chị không đồng ý trả tiếp số tiền hụi chết 64.000.000 đồng mà bà A khởi kiện. Lời trình bày của anh D, chị C không được phía chị Kha E và bà A thừa nhận, vợ chồng anh D, chị C cũng không có chứng cứ chứng minh việc vợ chồng anh, chị đóng hụi chết hàng tháng cho chị Kha E và đóng hụi chết đầy đủ cho bà A trong khi anh, chị thừa nhận anh chị có nhận tiền và ký tên khi nhận tiền hốt hụi nên lời trình bày của anh D, chị C không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hơn nữa, Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2018/DSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã có hiệu lực pháp luật. Tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày khởi kiện 15/01/2018, trong số tiền hụi chết 92.000.000 đồng thì số tiền hụi chết mà vợ chồng anh D, chị C đã vi phạm nghĩa vụ là 64.000.000

đồng. Do đó, bà A tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh D, chị C trả 64.000.000 đồng tiền hụi, số tiền còn lại bà A không yêu cầu giải quyết mặc dù hiện nay các dây hụi đã mãn. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, vợ chồng chị C, anh D đã hốt hụi nhưng không góp hụi lại hụi chết đầy đủ cho bà A là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 20 và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về "*Họ, hụi, biêu, phường*", bà A đã đóng thay tiền hụi chết cho anh, chị để giao cho các hụi viên khác nên anh, chị có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hụi chết cho bà A là phù hợp quy định pháp luật.

Từ cơ sở phân tích trên, việc bà A khởi kiện yêu cầu anh D, chị C trả tiền hụi chết tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày 15/01/2018 với số tiền 64.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời gian trả: Bà A yêu cầu vợ chồng anh D, chị C trả số tiền 64.000.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy số nợ này đã lâu, nếu để kéo dài sẽ gây thiệt thòi cho bà A do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, buộc anh D, chị C trả tiền hụi chết 64.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 20, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ A**

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ A số tiền hụi tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày 15/01/2018 là 64.000.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu đồng*), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu chị C và anh D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.200.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Hồ A số tiền 1.600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36200 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài